

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22,419,610,932	14,117,465,582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,415,793,632	1,575,558,676
1. Tiền	111	V01	3,415,793,632	1,575,558,676
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750,000,000	3,750,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02	750,000,000	3,750,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12,273,671,483	4,165,910,700
1. Phải thu khách hàng	131		10,683,478,198	3,123,834,850
2. Trả trước cho người bán	132		1,454,023,929	726,582,483
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	136,169,356	315,493,367
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		5,052,383,187	4,341,267,465
1. Hàng tồn kho	141	V04	5,052,383,187	4,341,267,465
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		927,762,630	284,728,741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		512,754,542	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	147,469,218	192,694,753
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		267,538,870	92,033,988
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,378,262,894	2,701,397,985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V07	0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		3,040,220,917	2,701,397,985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V08	3,040,220,917	2,701,397,985
- Nguyên giá	222		4,621,477,129	3,263,651,038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-1,581,256,212	-562,253,053
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		338,041,977	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	338,041,977	0
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25,797,873,826	16,818,863,567
NGUỒN VỐN				

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12,970,829,044	4,616,787,357
I. Nợ ngắn hạn	310		12,950,051,467	4,600,475,307
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	2,800,000,000	0
2. Phải trả người bán	312		8,578,886,230	3,195,617,107
3. Người mua trả tiền trước	313		681,698,625	1,221,179,395
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	524,608,403	13,350,446
5. Phải trả người lao động	315		3,740,965	0
6. Chi phí phải trả	316	V17	0	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	183,215,279	92,431,136
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		177,901,965	77,897,223
II. Nợ dài hạn	330		20,777,577	16,312,050
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V20	0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		20,777,577	16,312,050
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12,827,044,782	12,202,076,210
I. Vốn chủ sở hữu	410		12,827,044,782	12,202,076,210
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10,000,000,000	10,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		285,400,792	79,443,651
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		190,372,321	90,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,351,271,669	2,032,632,559
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V22	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25,797,873,826	16,818,863,567
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

CÔNG TY: CP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG
Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa- Hà Nội
Tel: .0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
Quý 4 năm tài chính 2010

Mẫu số: B02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 4/2010

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4/2010	Quý 4/2009	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	15,216,575,811	4,454,041,978	31,804,668,204	13,963,674,833
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		15,216,575,811	4,454,041,978	31,804,668,204	13,963,674,833
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	13,085,676,964	3,365,596,461	25,240,727,602	9,941,849,116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		2,130,898,847	1,088,445,517	6,563,940,602	4,021,825,717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	111,525,188	266,920,786	237,978,975	644,806,593
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	53,797,888	0	53,797,888	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51,797,888	0	51,797,888	0
8. Chi phí bán hàng	24		211,576,243	204,615,356	720,899,001	277,765,292
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		969,206,662	761,610,045	2,958,618,214	1,902,974,557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		1,007,843,242	389,140,902	3,068,604,474	2,485,892,461
11. Thu nhập khác	31		2,320,000	67,056,364	7,322,000	69,537,563
12. Chi phí khác	32		0	600,000	0	79,783,344
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		2,320,000	66,456,364	7,322,000	-10,245,781
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,010,163,242	455,597,266	3,075,926,474	2,475,646,680
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	252,347,358	97,506,319	768,793,167	468,200,254
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		757,815,884	358,090,947	2,307,133,307	2,007,446,426
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		371,329,783	175,464,564	1,130,495,320	983,648,749
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		386,486,101	182,626,383	1,176,637,987	1,023,797,677
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		758	358	2,307	2,007

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ 4/2010

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế năm 2010	Lũy kế năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		21,328,722,566	13,073,461,785
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-19,297,919,442	-12,436,870,386
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-3,962,299,531	-2,663,745,386
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-344,789,339	-373,508,648
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,443,064,132	1,266,145,744
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-2,458,331,572	-2,760,278,348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-3,291,553,186	-3,894,795,239
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	-11,266,667
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,000,000,000	4,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	-750,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29,088,142	25,987,336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,029,088,142	3,264,720,669
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,800,000,000	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-697,300,000	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2,102,700,000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1,840,234,956	-630,074,570
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,575,558,676	2,205,633,246
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3,415,793,632	1,575,558,676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ – TCNS ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 11 năm 2007, lần 2 ngày 29 tháng 7 năm 2010

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: ART DESIGN & COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AD&C., JSC.

Vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

	Cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ %
Nhà xuất bản Giáo dục Bộ Giáo dục Đào tạo	510.000	5.100.000.000	51.00
Lê Hoàng Hải	10.000	100.000.000	1.00
Trần Tiêu Lâm	10.000	100.000.000	1.00
Các cổ đông khác	470.000	4.700.000.000	47.00
Tổng	1.000.000	10.000.000.000	100

Trụ sở chính Công ty tại: Số 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web, dịch vụ thiết kế nội, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giấy dếp, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và Truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư các sản phẩm ngành in, chế bản, mỹ thuật và Truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục, dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục, in tem chống giả...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực Kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong quý IV năm 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm 2010 (Số tháng)</u>
Máy móc, thiết bị	42 tháng
Phương tiện vận tải	36 tháng
Thiết bị văn phòng	18 tháng

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.1 Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	464.902.813	191.881.357
Tiền gửi ngân hàng	2.950.890.818	1.383.677.319
Tổng	3.415.793.632	1.575.558.676

7.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	750.000.000	750.000.000
Cho Nhà xuất bản Giáo dục vay	0	3.000.000.000
Tổng	750.000.000	3.750.000.000

7.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	90.000.000	190.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	30.278.491	54.793.753
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.599.614
Phải thu khác	15.890.865	6.100.000
Tổng	136.169.356	315.493.367

7.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.019.638.583	707.272.790
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	745.214.269	554.849.516
Thành phẩm	2.711.225.216	3.074.790.279
Hàng hoá	576.305.119	4.354.880
Tổng	5.052.383.187	4.341.267.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa		89.204.930
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	147.469.218	83.510.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		19.979.592
Thuế GTGT được khấu trừ		-
Tổng	147.469.218	192.694.753

7.6 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	267.538.870	92.033.988
Tổng	267.538.870	92.033.988

7.7 Tài sản cố định hữu hình	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2010	2.160.339.780	660.300.745	443.010.513	3.263.651.038
Tăng trong năm	1.233.700.091	-	124.126.000	-
Mua trong năm	1.233.700.091	-	124.126.000	-
Giảm trong kì	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	3.394.039.871	660.300.745	567.136.513	4.621.477.129
Khấu hao tại 01/01/2010				
	147.340.675	128.391.812	286.520.566	562.253.053
Tăng trong năm	638.239.932	220.100.244	160.662.983	1.019.003.159
Khấu hao trong năm	638.239.932	220.100.244	160.662.983	1.019.003.159
Giảm trong kì	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	785.580.607	348.492.056	447.183.549	1.581.256.212
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2010	2.012.999.105	531.908.933	156.489.947	2.701.397.985
Tại 31/12/2010	2.608.459.264	311.808.689	119.952.964	3.040.220.917

7.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các loại thuế phải nộp Nhà nước	524.608.403	13.350.446
Tổng	524.608.403	13.350.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.424.556	52.593.212
Bảo hiểm y tế	15.481.465	4.481.490
Bảo hiểm thất nghiệp	132.138	-
Các khoản phải trả khác	153.177.120	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	153.177.120	35.356.434
Tổng	183.215.279	92.431.136

7.10 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết góp vốn chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhà xuất bản Giáo dục Bộ Giáo dục Đào tạo	5.100.000.000	5.100.000.000
Lê Hoàng Hải	100.000.000	100.000.000
Trần Tiểu Lâm	100.000.000	100.000.000
Các cổ đông khác	4.700.000.000	4.700.000.000
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7.11 Vốn chủ sở hữu****Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư Phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2009	10.000.000.000	-	-	459.842.170
Tăng trong năm	-	79.443.651	90.000.000	2.012.234.040
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.007.446.426
Trích lập các quỹ	-	79.443.651	90.000.000	-
Tăng khác	-	-	-	4.787.614
Giảm trong năm	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	439.443.651
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	10.000.000.000	79.443.651	90.000.000	2.032.632.559
Số dư tại 01/01/2010	10.000.000.000	79.443.651	90.000.000	2.032.632.559
Tăng trong 12 tháng	-	205.957.141	100.372.321	2.307.133.307
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.307.133.307
Trích lập các quỹ	-	205.957.141	100.372.321	-
Giảm trong 12 tháng	-	-	-	1.988.494.197
Trích lập các quỹ	-	-	-	577.194.197
Trả cổ tức	-	-	-	1.400.000.000
Giảm khác	-	-	-	11.300.000
Số dư tại 31/12/2010	10.000.000.000	285.400.792	190.372.321	2.351.271.669

8. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do công ty tự lập và báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán CPA.

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2011

Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Lê Hoàng Hải



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CTCP MĨ THUẬT & TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /CV-MTTT
V/v: Giải trình chênh lệch tăng
LNST của quý 4/2010 so với quý 4/2009

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2011

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông đã gửi Báo cáo tài chính quý 4/2010 lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định. Trong đó, một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của quý 4/2010 có tăng hơn so với quý 4/2009 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

- Trong quý 4/2010, Công ty đã hoàn thành một số sản phẩm có chất lượng cao về mặt nội dung cũng như hình thức, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng tài liệu của giáo viên và học sinh. Ngoài ra, với việc mở rộng ra thêm hoạt động bán lẻ tại cửa hàng 387 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội cũng giúp cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty trong quý IV năm 2010 tăng hơn so với quý IV năm 2009.

- Do công ty mở rộng hoạt động, nhu cầu về vốn lớn nên đã rút toàn bộ số tiền cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện thủ tục vay vốn từ ngân hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, quý IV năm 2010 so với quý IV năm 2009 thì doanh thu hoạt động tài chính giảm, chi phí hoạt động tài chính tăng.

Từ những biến động đã nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2010 của Công ty tăng 211,63% so với lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2009.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;

CTCP Mĩ thuật và Truyền thông
Giám đốc

Lê Hoàng Hải